

Bản án số: 74/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19/9/2025

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Châu Vũ Sơn.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Thanh Sang;

2. Ông Nguyễn Văn Trí.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Tiểu Ngọc, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trần Long – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 556/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025 “Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 202/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thu V, sinh năm 1984; địa chỉ: số nhà F, tổ A, ấp L, xã L, tỉnh An Giang (địa chỉ trước đây số nhà F, tổ A, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang); có văn bản xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Đinh Văn L, sinh năm 1975; địa chỉ: số nhà B, tổ A, ấp L, xã L, tỉnh An Giang (địa chỉ trước đây số nhà B, tổ A, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Thu V trình bày: Sau thời gian tự tìm hiểu, quen biết bà và ông L được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới và sống chung với nhau, nhưng

đến ngày 20/9/2011 bà và ông L mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C tỉnh An Giang (nay là xã L, tỉnh An Giang). Vợ chồng sống chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau này sống không hạnh phúc và mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn sống không tình cảm, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, bà vẫn cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không thành. Nay nhận thấy tình cảm không còn bà yêu cầu ly hôn với ông L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Đinh Thị C, sinh ngày 01/04/2005 (hiện nay con chung đã thành niên)

Về tài sản chung: Bà Lê Thị Thu V xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Lê Thị Thu V xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Đinh Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình công khai chứng cứ hòa giải vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Căn cước công dân, giấy khai sinh cháu Đinh Thị C (bản sao), Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2011 ngày 20.9.2011 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang cấp.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn có ý kiến xin xét xử vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến gì khác.

- Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến gì khác.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có văn bản xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt, nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thu V và ông Đinh Văn L, sau thời gian quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L (nay là xã L), tỉnh An Giang vào năm 2011. Đến giữa năm 2024, vợ chồng thường xuyên cãi cãi do bất đồng quan điểm về kinh tế gia đình, ông L không quan tâm đến vợ con. Cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không được nên ly thân. Do tình cảm không còn nên bà V yêu cầu được ly hôn với ông L.

Phía ông L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà V.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng xuất phát từ việc bất đồng quan điểm sống trong kinh tế gia đình dẫn đến ông L không quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng ly thân. Thời gian vợ chồng ly thân cả hai không tới lui thăm nhau, không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, Tòa án đã tiến hành giao nhận đầy đủ các văn bản tố tụng về yêu cầu ly hôn của bà V nhưng ông L không có ý kiến phản hồi. Điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng nên việc bà V yêu cầu ly hôn là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đinh Thị C, sinh ngày 01/4/2005 (đã thành niên và có khả năng lao động), nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xem xét:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Thu V đối với ông Đinh Văn L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Lê Thị Thu V khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đinh Văn L cư trú số nhà 272, tổ A, ấp L, xã L, tỉnh An Giang (địa chỉ trước đây số nhà B, tổ A, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang). Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bà Lê Thị Thu V có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Đinh Văn L đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Đinh Văn L vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà V, ông L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân:

Bà Lê Thị Thu V và ông Đinh Văn L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà V, ông L là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà V với ông L được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới và sống chung với nhau, nhưng đến ngày 20/9/2011 bà và ông L mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C tỉnh An Giang (nay là xã L, tỉnh An Giang). Vợ chồng sống chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau này sống không hạnh phúc và mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn sống không tình cảm, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, bà vẫn cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không thành. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà V, ông L là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V đối với ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đinh Thị C sinh ngày 01/04/2005 (hiện nay con chung đã thành niên)

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Thu V xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lê Thị Thu V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ông Đinh Văn L không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều:

Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu V.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thu V được ly hôn với ông Đinh Văn L.
2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Đinh Thị C, sinh ngày 01/4/2005 (hiện nay đã thành niên)
3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị Thu V xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.
4. Về nợ chung: Bà Lê Thị Thu V xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận bà V xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà V và ông L trong thời kỳ hôn nhân thì ông, bà phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Lê Thị Thu V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024845 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 18 tháng 6 năm 2025; bà Lê Thị Thu V đã nộp đủ án phí.

Ông Đinh Văn L không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tham gia phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực – 11 An Giang;
- Phòng THADS khu vực 11- An Giang;
- UBND xã Long Điền, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn